

Số: **1556** /BC - TCS

Quảng Ninh, ngày 2 tháng 4 năm 2018

V/v: Báo cáo thường niên năm 2017

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1/ Thông tin khái quát.

Tên tổ chức phát hành: **Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin**

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin

Giấy chứng nhận ĐKKD: 5700101002 cấp ngày 02/1/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/8/2016.

Vốn điều lệ: 324.961.050.000 đồng;

Mã cổ phiếu : TC6

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - Thành phố Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862062. Fax: 0203.3863936. Website: Cocsau.com

Vùng than Cọc Sáu trước ngày Chính phủ ta tiếp quản (25/04/1955) là một công trường khai thác than thủ công thuộc mỏ than Cẩm Phả. Sau khi tiếp quản được đặt tên là công trường Cọc Sáu thuộc xí nghiệp than Cẩm Phả. Khai thác than chủ yếu bằng thủ công mai, cuốc, xà beng... ở phía Tây và phía Bắc. Công trường Cọc Sáu ngày tiếp quản có 02 công trường như công trường Tả Hữu Ngạn và công trường Y.

Đến năm 1957 thành lập thêm công trường H

Đến năm 1958 thành lập tiếp công trường Bắc Phi (Bắc Cọc Sáu)

Đến năm 1959 thành lập công trường Thăng Lợi

Đến đầu năm 1960, công trường Cọc Sáu đã có tổng số 1811 người (1283 nam và 528 nữ), trong đó có 442 người Hoa, 184 Đảng viên, 230 đoàn viên thanh niên.

Tháng 3 năm 1960, Chính phủ có quyết định giải thể xí nghiệp quốc doanh than Cẩm Phả, thành lập Công ty Than Hòn Gai. Thực hiện quyết định số 707 BCN-KB2 của Thủ tướng Chính phủ thành lập xí nghiệp Than Cọc Sáu từ ngày 01/08/1960 (gọi tắt là mỏ Cọc Sáu), là xí nghiệp khai thác than lộ thiên trực thuộc Công ty Than Hòn Gai, diện tích đất đai được giao quản lý trên 16km<sup>2</sup>, lực lượng lao động lúc mới thành lập khoảng 2.000 người, trong đó lực lượng nòng cốt gồm bộ đội và thanh niên xung phong chuyển ngành được bổ sung về xây dựng khu mỏ.

Đến năm 1996, xí nghiệp Than Cọc Sáu trở thành đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam theo quyết định số 2600/QĐ-TCCB ngày 17/09/1996 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Việt Nam.

Tháng 9/2001, xí nghiệp Than Cọc Sáu chính thức đổi tên thành Công ty Than Cọc Sáu.



Theo quyết định số 487/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2005 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch triển khai cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên trong đó có Công ty Than Cọc Sáu. Công ty Than Cọc Sáu đã thực hiện triển khai đầy đủ các bước cổ phần hóa theo quy định của Nhà nước từ ngày 01/01/2007 và chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51%. Kể từ ngày 02/01/2007 với tên gọi mới là “Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - TKV” theo giấy phép kinh doanh số 2203000745 do sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp với mức vốn điều lệ là 100.000.000.000 đồng. Từ ngày 28/4/2011 Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 129.986.940.000 đồng.

Từ ngày 17/8/2016 đến nay đổi tên thành công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin với mã số doanh nghiệp 5700101002. Từ ngày 12/10/2011 Công ty tăng vốn điều lệ là 324.961.050.000 đồng.

## **2/ Ngành nghề kinh doanh :**

- Khai thác, chế biến kinh doanh than và các loại khoáng sản khác;
- Xây dựng các công trình mỏ, công nghiệp, dân dụng và san lấp mặt bằng;
- Chế tạo, sửa chữa, gia công các thiết bị mỏ, phương tiện vận tải, các sản phẩm cơ khí;
- Vận tải đường thủy, đường bộ, đường sắt; Sản xuất các mặt hàng bằng cao su;
- Quản lý, khai thác cảng và bến thủy nội địa; Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Nuôi trồng thủy sản; Kinh doanh, dịch vụ khách sạn, nhà hàng, ăn uống;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa.

## **3/ Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

Mô hình quản trị:

- + Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.
- + Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.
- + Ban Giám đốc điều hành 07 người gồm 01 giám đốc, 05 phó giám đốc, 01 kế toán trưởng
- + Các Công trường, phân xưởng, phòng ban:

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

- |                                |   |
|--------------------------------|---|
| 01- Văn phòng                  | 6- Phòng Tổ chức Lao động               |
| 02- Phòng kỹ thuật khai thác   | 7- Khối dân đảng                        |
| 03- Phòng Kỹ thuật vận tải     | 8- Phòng Kế toán - thống kê - tài chính |
| 04- Phòng Giám định chất lượng | 9- Phòng Bảo vệ - Quân sự               |
| 05- Phòng An toàn              | 10- Phòng Quản lý vật tư                |
| 11- Phòng Cơ điện              | 15- Trạm Y tế                           |
| 12- Phòng Kế hoạch             | 16- Phòng Đầu tư Môi trường             |
| 13- Phòng Trắc địa địa chất    | 17- Phòng Kiểm toán thanh tra           |
| 14- Phòng điều khiển sản xuất  |   |

5700  
CỔ  
CỔ  
HẠN  
VIN  
M PH

- Các công trường, Phân xưởng:

- |                               |                                 |
|-------------------------------|---------------------------------|
| 01- Công trường Khoan         | 9- Phân xưởng vận tải ô tô 7    |
| 02- Công trường Xúc táng      | 10- Phân xưởng cơ điện          |
| 03- Công trường Xúc thăng lợi | 11- Phân xưởng Sửa chữa         |
| 04- Phân xưởng vận tải ô tô 1 | 12- Công trường Gạt làm đường   |
| 05- Phân xưởng vận tải ô tô 2 | 13- Phân xưởng Trạm mạng        |
| 06- Phân xưởng vận tải ô tô 3 | 14- Công trường Băng sàng       |
| 07- Phân xưởng vận tải ô tô 5 | 15- Công trường Than 2          |
| 08- Phân xưởng vận tải ô tô 6 | 16- Phân xưởng Phục vụ đời sống |

#### **4/ Định hướng phát triển :**

Trên cơ sở kế hoạch SXKD của từng năm được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT đề ra phương hướng nhiệm vụ cụ thể như sau: Phần đầu xây dựng công ty trở thành một công ty có trình độ khai thác mỏ hàng đầu của Tập đoàn - Vinacomin với công nghệ khai thác hiện đại, tiên tiến, đạt tiêu chuẩn trong khu vực. Làm tốt công tác bảo vệ môi trường và phần đầu xây dựng Công ty Cổ Phần Than Cọc Sáu - Vinacomin xanh, sạch, đẹp và thân thiện với môi trường để phát triển bền vững. Tập trung đẩy mạnh sản xuất ngay từ đầu năm theo kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh của Công ty với Tập đoàn, cân đối năng lực thiết bị và lao động để xây dựng phương án và thực hiện kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng tháng, quý nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất và hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2018. Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi trong những tháng đầu năm tăng cường bóc xúc, mở diện khai thác đồng thời tập trung tối đa phục vụ công tác hạ moong đảm bảo sản lượng và tiến độ theo kế hoạch đặt ra. Sử dụng vốn của các đối tác bằng cách thuê tài chính, thuê hoạt động, đa dạng hóa các nguồn vốn.

#### **5/ Các rủi ro :**

Với đặc thù là khai thác lộ thiên, năm 2017 Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong khai thác mỏ đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Thời tiết diễn biến bất thường, yêu cầu công tác bảo vệ môi trường đòi hỏi ngày càng cao; điều kiện khai thác tiếp tục xuống sâu, chất lượng than xấu, giá bán giảm, thị trường tiêu thụ than gặp khó khăn nên phải giảm sản lượng đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của Công ty và việc làm, đời sống của người lao động.

#### **TÌNH HÌNH SXKD TRONG NĂM**

##### **1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2017 là năm có rất nhiều khó khăn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty: Thời tiết diễn biến bất thường, mưa nhiều (năm 2017 có 144 ngày mưa vũ lượng 3.530 mm); điều kiện khai thác tiếp tục xuống sâu, độ cao nâng tải và cung độ vận chuyển lớn; các cơ chế chính sách của Nhà nước có sự thay đổi đối với ngành Than, thuế phí tăng cao; do đợt mưa lớn kéo dài vào đầu tháng 10 đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch khai thác và tiêu thụ than quý

107  
NG  
PH  
CQ  
ACC  
4-T.

IV nên phải điều chỉnh kế hoạch, thị trường tiêu thụ than gặp khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của Công ty và việc làm, đời sống của người lao động.

Đứng trước khó khăn và thử thách trên, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ; sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc cùng với sự đồng thuận của các tổ chức đoàn thể. Công ty đã đoàn kết, chung sức vượt qua khó khăn, cơ bản hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 theo kế hoạch điều chỉnh, bảo toàn và phát triển vốn.

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2017				
			KH ĐẦU NĂM	KHĐC	THỰC HIỆN	TỶ LỆ % SO VỚI	
						KHĐN	KHĐC
1	Đất đá bóc xút	M <sup>3</sup>	28.800.000	19.500.000	19.475.414	93,63	99,87
2	Than sản xuất	Tấn	2.300.000	2.300.000	2.303.163	100,1	100,1
3	Hệ số bóc	M <sup>3</sup> /T	13,00	13,00	13,0	100,0	100,0
4	Than tiêu thụ	Tấn	2.278.000	2.278.000	2.082.094	91,4	91,4
5	Doanh thu tổng số	Tr.đ	2.661.777	2.661.777	2.529.819	95,04	95,04
6	Giá trị đầu tư	Tr.đ	259.618	217.670	162.247	62,5	74,54
7	Tiền lương bình quân	1000đ/ng/th	7.358	7.358	7.500	101,93	101,93
8	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	20.614	20.614	50.309	244,05	244,05
9	Dự kiến chi trả cổ tức	%Năm/CP	1÷3	1÷3	3	100,0	100,0

## 2/ Tổ chức và nhân sự.

### 2.1/ Danh sách ban điều hành

\* Ông: **PHẠM HỒNG TÀI - CHỦ TỊCH HĐQT**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 4 năm 1959

- Nơi sinh: Đồng Phú - Đông Hưng - Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Đồng Phú - Đông Hưng - Thái Bình

- Số chứng minh thư nhân dân: 100999318

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3 - Khu 8 - Hồng Hải Hạ Long - Quảng Ninh

- Điện thoại liên lạc: 0913267920

- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác

- Số cổ phần TC6 sở hữu: 7.662 cổ phần

\* Ông : **VŨ VĂN KHẨN -UVHĐQT - GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam

- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 8 năm 1968

- Nơi sinh: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Tân Phong - Vũ Thư - Thái Bình

- Số chứng minh thư nhân dân : 034068001414 cấp ngày 27/9/2015
- Địa chỉ thường trú: Tổ 4 - Cẩm Thủy - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác mỏ
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.740 cổ phần
- \* Ông : **LÊ VĂN GIÁP - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 15 tháng 08 năm 1958
- Nơi sinh: Sơn Bình
- Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sơn Bình - Hương Sơn - Hà Tĩnh
- Số chứng minh thư nhân dân : 100364156
- Địa chỉ thường trú: Tổ 41 - Cẩm Thành - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Điện thoại liên lạc: 0912178775
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 3.015 cổ phần
- \* Ông : **NGUYỄN TẤN LONG - UV HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 08 tháng 11 năm 1967
- Nơi sinh: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bảo Xuyên - Vụ Bản - Nam Định
- Số chứng minh thư nhân dân : 100 544 976
- Địa chỉ thường trú: Tổ 107A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí ô tô
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần
- \* Ông : **NGUYỄN VĂN THUẬN - PHÓ GIÁM ĐỐC**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 16 tháng 3 năm 1970
- Nơi sinh: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dạ Trạch - Châu Giang - Hưng Yên
- Số chứng minh thư nhân dân : 100999256
- Địa chỉ thường trú: Tổ 32 - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 12/12; Trình độ chuyên môn: KS Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.392 cổ phần



**\* Ông : TRẦN SƠN HÀ - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 01 tháng 10 năm 1969
- Nơi sinh: Cửa Ông - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hải Trung - Hải Hậu - Nam Hà
- Số chứng minh thư nhân dân : 100449595
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31A - Cẩm Phú - Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 1.507 cổ phần

**\* Ông : VŨ VĂN HÙNG - PHÓ GIÁM ĐỐC**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 06 tháng 1 năm 1961
- Nơi sinh: Cẩm Phả - Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quang Sơn Phú Xuyên Ninh Bình
- Số chứng minh thư nhân dân : 100710815
- Địa chỉ thường trú: Tổ 47 Cẩm Thành Cẩm Phả Quảng Ninh
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.785 cổ phần

**\* Ông : NGUYỄN HỮU TRƯỜNG - UV HĐQT - KẾ TOÁN TRƯỞNG**

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: Ngày 14 tháng 10 năm 1964
- Nơi sinh: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Phong - Kiến Thụy - Hải Phòng
- Số chứng minh thư nhân dân : 100983992 cấp ngày 13/1/2013
- Địa chỉ thường trú: Tổ 63 - Cẩm Trung - Cẩm Phả - Quảng Ninh.
- Trình độ văn hoá: 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế mỏ
- Số cổ phần TC6 sở hữu: 2.437 cổ phần

**2.2. Những thay đổi trong ban điều hành ( không có)**

**2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên**

Số lượng CBCNV có đến ngày 31/12/2017 là 2.680 người.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Trong năm 2017, Công ty tập trung thực hiện 06 dự án (03 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới), với giá trị dự kiến thực hiện trong năm 162.247,4 triệu đồng đạt tỷ lệ 74,54% so



với kế hoạch năm, cụ thể:

Công tác đầu tư xây dựng trong năm 2017 được thực hiện tuân thủ theo đúng quy định quản lý của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam đã ban hành.

Các dự án hầu hết được thực hiện đảm bảo đúng tiến độ kế hoạch được giao. Tuy nhiên có 01 dự án khởi công mới (Dự án đầu tư - di chuyển hệ thống sàng tuyển) hiện mới đang thực hiện khảo sát chuẩn bị đầu tư do tình hình sản xuất hiện tại của Công ty gặp nhiều khó khăn. Các dự án đều phải cân nhắc giãn tiến độ thực hiện để phù hợp với tình hình sản xuất và tài chính của Công ty.

#### 4. Tình hình tài chính:

##### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	%
Tổng giá trị tài sản	Đồng	1.530.487.274.874	1.866.437.044.648	121,95
Doanh thu thuần	Đồng	2.890.868.429.035	2.524.392.130.726	87,32
Lợi nhuận gộp từ BH và CCDV	Đồng	257.279.036.213	297.948.495.887	115,81
Lợi nhuận khác	Đồng	5.434.095.490	-1.319.177.285	-24,28
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	1.395.112.095	50.309.704.996	3.606,1
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	947.924.699	36.506.678.662	3.851,2
Tỷ lệ trả cổ tức	%		3	300

##### b. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2016	NĂM 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,44	0,69
	+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,22	0,31
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	+ Hệ số nợ / tổng tài sản	%	77,78%	79,91%
	+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	3,60	4,08
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	11,16	6,28
	+ Vòng quay vốn lưu động	Lần	6,36	4,30
	+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,89	1,35
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / DTT	%	0,033	1,45
	+ Hệ số LNST/ Vốn CSH (ROE)	%	0,289	10,02
	+ Hệ số LNST/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,062	1,956

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

##### Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. **Cổ phần:** Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 32.496.105 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần. Tất cả cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

**b. Cơ cấu cổ đông (Tại thời điểm 22/2/2018)**

Cổ đông trong nước: Sở hữu 30.695.830 cổ phần chiếm 94,46 %; Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 17.312.723 cổ phần chiếm 53,28%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 13.383.107 cổ phần chiếm 41,18%.

Cổ đông nước ngoài: Sở hữu 1.800.275 cổ phần chiếm 5,54%. Với:

+ Cổ đông tổ chức sở hữu 1.600.450 cổ phần chiếm 4,93%;

+ Cổ đông cá nhân sở hữu 199.825 cổ phần chiếm 0,61%.

Cổ đông lớn: Tập đoàn Vinacomin sở hữu: 16.575.000 cổ phần chiếm 51,00%;

**c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không;**

**d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không;**

**e. Các chứng khoán khác: Không.**

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty.**

**6.1. Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm 375.889 triệu đồng**

**6.2. Năng lượng tiêu thụ trong năm:**

- Nhiên liệu: 468.655 triệu đồng

- Động lực: 49.607 triệu đồng

**6.3. Tiêu thụ nước:**

a/ Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- Nguồn cung cấp nước sinh hoạt của Công ty: Công ty hợp đồng mua nước với Công ty Nước sạch Quảng Ninh, năm 2017 lượng nước Công ty sử dụng: 24.547 m<sup>3</sup>

- Nguồn nước vệ sinh công nghiệp và tưới nước đập bụi: Nguồn nước tưới đập bụi và vệ sinh công nghiệp lấy từ nguồn nước bơm moong và nước sau trạm xử lý nước thải mỏ Cọc Sáu. Năm 2017 lượng nước Công ty sử dụng: 875.000 m<sup>3</sup>

b/ Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng:

- Lượng nước tái chế qua xử lý để dùng vào công tác tưới nước, phun sương đập bụi và sàng tuyển chế biến than: 450.000 m<sup>3</sup>.

**6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường**

Trong năm công ty đã nộp 27.850 triệu tiền phí và thuế bảo vệ môi trường.

Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ Luật pháp và các quy định về môi trường.

**6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:**

a/ - Số lượng lao động bình quân trong năm: 2.860 người

- Tiền lương bình quân: 7.500.000 đồng/ người/ tháng.

b/ Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe an toàn và phúc lợi cho người lao động:

- Tổ chức phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Hiệu quả - Phát triển”. Trong năm Công ty có nhiều tập thể, cá nhân được các cấp suy tôn và khen thưởng.

- Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào VHVN-TDĐT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động văn hoá, thể thao do các cấp tổ chức

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; duy trì chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, ổn định việc làm cho người lao động, chăm lo các ngày lễ, tết cho CBCN theo quy định.

- Tổ chức tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho người lao động; khám sức khoẻ định kỳ lần 1 năm 2017 cho toàn bộ CBCN theo quy định; khám lần 2 cho đối tượng nghề nặng nhọc, độc hại, bệnh nghề nghiệp, cấp dưỡng; tổ chức 8 đợt điều dưỡng phục hồi chức năng cho 210 người.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động.

#### **6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương**

- Nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và hạn chế thấp nhất các tác động của ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất than tới cộng đồng dân cư. Hằng năm Công ty tổ chức quan trắc môi trường định kỳ theo yêu cầu của báo cáo ĐTM đó được phê duyệt với các chỉ tiêu quan trắc bao gồm: Môi trường không khí, môi trường đất, môi trường nước với tần suất quan trắc 04 lần / năm.

- Theo kết quả của báo cáo quan trắc môi trường định kỳ tại Công ty Cổ phần than Cọc Sáu -Vinacomin đó được Công ty tư vấn về quan trắc thực hiện, cơ bản các chỉ tiêu về môi trường không khí, nước và đất đều đạt kết quả ở ngưỡng cho phép theo QCVN.

- Hằng năm Công ty thường xuyên đầu tư và hỗ trợ Chính quyền địa phương thực hiện các công việc liên quan tới công tác Bảo vệ môi trường, cụ thể: Nạo vét các tuyến mương, suối khu dân cư; Tổng vệ sinh môi trường các tuyến đường khu vực dân sinh; Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường liên lạc khu vực dân cư nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị.

- Tổng số tiền dành cho công tác bảo vệ môi trường thường xuyên tại Công ty năm 2018 trên 20 tỷ đồng.

#### **6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:**

a. Xử lý nước thải công nghiệp:

- Công ty phối hợp chặt chẽ, đôn đốc, giám sát Công ty TNHH 1 TV Môi trường - TKV trong công tác duy trì vận hành hiệu quả trạm xử lý nước thải mỏ than Cọc Sáu đảm bảo chất lượng nước xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận QCVN 40-2011/BTNMT.

- Khối lượng nước đã xử lý cho Công ty CP Than Cọc Sáu năm 2017: 6,186 triệu m<sup>3</sup> giá trị xử lý: 13,0 tỷ đồng.

b. Xử lý nước thải sinh hoạt:

002  
TV  
AN  
CS  
MI  
QUA

- Công ty đã ký hợp đồng mua nước của công ty CP nước sạch Quảng ninh- xí nghiệp nước Cẩm phả phục vụ hoạt động sinh hoạt của công ty. Nước thải sinh hoạt được xử lý thông qua 03 modul trạm xử lý nước thải sinh hoạt tại 03 nhà ăn trong Công ty.

- Thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau khi xử lý tại 03 trạm xử lý nước thải sinh hoạt. Chất lượng nước thải sau 03 trạm đạt qui chuẩn QCVN: 14-2008/BTNMT (cột B).

c. Xử lý khí thải, bụi:

- Công ty tiếp tục tăng cường công tác trung đại tu các thiết bị máy mỗ hạn chế lượng khí thải phát sinh.

- Duy trì vận hành 19 xe trung xa dung tích từ 12-20m<sup>3</sup> phục vụ công tác tưới nước dập bụi tại các khu vực khai trường công ty, bãi thải, khu giáp ranh dân cư.

- Tiếp tục vận hành hệ thống lọc bụi túi khu vực ga B, hệ thống chuyển tải than bằng băng tải kín từ +15 moong về khu sàng tuyển.

- Nhằm hạn chế tối đa lượng bụi phát sinh phát tán từ khu vực kho chứa than, Công ty tiếp tục duy tu củng cố hệ thống lưới che chắn bụi khu vực băng sàng.

- Hệ thống phun sương dập bụi tại các hệ thống sàng, cầu chuyển tải than được duy trì vận hành 03 ca sản xuất. Hiện tại hệ thống đang hoạt động ổn định và đảm bảo hiệu quả dập bụi.

d. Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp, chất thải sinh hoạt:

- Chất thải rắn công nghiệp: Toàn bộ lượng chất thải rắn công nghiệp: sảm lớp phế liệu, dây cu roa, cao su các loại... được thu gom, lưu trữ tại kho vật tư và chuyển giao cho đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng qui định. Khối lượng chất thải rắn đã xử lý: 611,826 tấn.

- Chất thải sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh tại công ty được thu gom lưu trữ trong các xe đẩy chứa rác thải, chuyển giao cho công ty Môi trường đô thị Cẩm phả vận chuyển xử lý theo qui định của pháp luật. Khối lượng thuê xử lý dự kiến: 90,245 tấn.

- Chất thải nguy hại: được phân loại, thu gom lưu trữ tại các kho chứa chất thải nguy hại. Chuyển giao cho các đơn vị có đầy đủ chức năng: Công ty TNHH 1 TV Môi trường-TKV, Công ty CPTM Hải đăng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng qui định của pháp luật. Lượng chất thải nguy hại đã thuê xử lý năm 2017: 390,045 tấn. Giá trị xử lý: 2,6 tỷ đồng.

- Chất thải y tế: thuê đơn vị có đầy đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo đúng các qui định của pháp luật. Khối lượng đã thuê xử lý: 334kg

e. Quan trắc môi trường định kỳ:

- Công ty tổ chức thực hiện đầy đủ chương trình giám sát, quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc dịch động bãi thải (Khe rề, Đông Cao Sơn, đập chắn số 04 Khe rề), quan trắc môi trường nhà điều hành, Trạm y tế công ty theo đúng yêu cầu tại bản báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường đã được phê duyệt.

- Tần suất quan trắc môi trường định kỳ, dịch động bãi thải: 04 lần/năm.



- Tần suất quan trắc môi trường nhà điều hành, trạm y tế: 02 lần/năm.

- Chi phí thực hiện năm 2017: 1,540 tỷ đồng

f. Trồng cây cải tạo phục hồi môi trường, tạo cảnh quan môi trường:

- Tổ chức hưởng ứng tết trồng cây xuân Đinh Dậu năm 2017 tại các đơn vị công trường phân xưởng trong toàn Công ty với tổng số cây đã trồng được: 1.910 cây giá trị thực hiện gần: 43 triệu đồng.

- Trồng cây tăng cường phủ xanh phục hồi môi trường bãi thải Khe Rè mức +90-:-+230 với tổng diện tích trồng cây: 10,49 ha và mức +45, +60 bãi thải Đông Cao Sơn với diện tích 5,3ha.

g. Thực hiện nghĩa vụ tài chính trong công tác bảo vệ môi trường:

- Công ty thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản lần 09 cho năm 2017 theo quyết định phê duyệt dự án cải tạo phục hồi môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường với giá trị: 2.616.518.000 đồng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ninh xác nhận.

- Công ty thực hiện nghiêm và đầy đủ việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải Công nghiệp theo hướng dẫn mới nhất về việc kê khai và nộp phí nước thải với tổng tiền đã nộp quý I, II, III, IV/2017: 8.484.059 đồng.

h. Đảm bảo thoát nước bảo vệ môi trường qua khu dân cư:

- Công ty đã tổ chức phối hợp với Thành phố Cẩm Phả, UBND các phường Cẩm Sơn, Cẩm Phú, Mông Dương triển khai nạo vét các tuyến suối thoát nước qua khu dân cư đảm bảo tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường. Khối lượng đất đá nạo vét: 59.045m<sup>3</sup> đất đá.

i. Đảm bảo an toàn khu vực bãi thải Đông Cao Sơn:

- Tổ chức duy trì vận hành ổn định và có hiệu quả tuyến đê chắn chân bãi thải Đông Cao Sơn và hệ thống đập số 1,2 khu vực đổ thải H10 Mông Dương đã được đầu tư từ năm 2015 và 2016. Không để xảy ra sự cố trong năm 2017.

### **III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.**

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### **a. Công tác điều hành sản xuất và kỹ thuật công nghệ**

Trong năm Công ty đã chỉ đạo, thực hiện hiệu quả các phương án khai thác trọng điểm theo mục tiêu đề ra, đảm bảo nguồn than phục vụ tiêu thụ; hoàn thành toàn diện kế hoạch hạ moong 2016-2017.

- Công tác quản lý kỹ thuật khai thác: Về cơ bản thực hiện tốt theo quy định, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; điều kiện làm việc được cải thiện hơn. Các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ trong năm cơ bản đạt so với kế hoạch đề ra.

- Công tác điều hành sản xuất: Thực hiện tốt các quy định trong tổ chức điều hành sản xuất; giữ vững kỷ luật điều hành. Trên cơ sở kế hoạch sản xuất, nhu cầu tiêu thụ, Công ty đã cân đối, điều hành các phương án tổ chức sản xuất, tiêu thụ phù hợp với điều kiện thời tiết và điều kiện thiết bị để đảm bảo hiệu quả sản xuất.

- Tổ chức thi công hoàn thành các công trình thoát nước, PCMB theo kế hoạch, các công trình phát huy hiệu quả cao. Thực hiện tốt các công việc BVMT thường xuyên theo quy định. Tổng giá trị thực hiện công tác BVMT năm 2017 là 21,439 tỷ đồng, đạt 98,7% kế hoạch.

- Chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quản lý, sửa chữa, vận hành thiết bị, đảm bảo phục vụ sản xuất. Thực hiện hiệu quả phương án tiết kiệm nhiên liệu và tiết kiệm điện.

- Thực hiện công tác quản lý, mua bán vật tư phục vụ yêu cầu sản xuất theo đúng theo quy định; giá trị vật tư tồn kho trong mức quy định.

- Cân đối, điều chỉnh các dự án đầu tư năm 2017 phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo hiệu quả đầu tư. Năm 2017 Công ty đã triển khai thực hiện 06 dự án gồm 03 dự án chuyển tiếp và 03 dự án khởi công mới, với tổng giá trị đầu tư thực hiện là 162 tỷ 247 triệu đồng, đạt 74% kế hoạch.

### **b. Công tác tổ chức, tái cơ cấu, sử dụng lao động**

- Công ty đã hoàn thiện và triển khai thực hiện Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020. Trong năm đã sắp xếp lại mô hình tổ chức sản xuất các PXVT ô tô cho phù hợp với nhu cầu, nhiệm vụ sản xuất, sáp nhập PXVT ô tô số 4 vào PXVT ô tô số 5; chuyển giao nhiệm vụ công tác thống kê từ Đội thống kê Phòng KTTKTC về Công trường quản lý. Công ty hiện còn 16 công trường, phân xưởng, 15 phòng quản lý và 1 trạm Y tế.

- Tích cực thực hiện tinh giản lực lượng lao động và cơ cấu lại lao động. Năm 2017 Công ty đã giảm tuyệt đối được 328 lao động, trong đó có 49 lao động quản lý, phục vụ, phụ trợ. Tổng số lao động hiện có đến 31/12/2017 là 2.680 người.

- Công ty cân đối, sắp xếp lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả sử dụng lao động. Lao động bình quân năm 2017 đạt: 2.860 người, giảm 87 người so với kế hoạch, bằng 92,4% so với năm 2016; ngày công bình quân năm 2017: 23,5 công/người/tháng.

- Tổ chức tốt các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho CBCN; năm 2017 Công ty có 223 sáng kiến cải tiến kỹ thuật, giá trị làm lợi ước tính 2,8 tỷ đồng.

### **c. Công tác đời sống, xã hội**

- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách của Nhà nước đối với người lao động; chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần và bố trí đủ việc làm cho người lao động.

- Tăng cường thực hiện các biện pháp để cải thiện điều kiện làm việc, chăm sóc sức khỏe, cải thiện chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động.

- Phát động hiệu quả các phong trào thi đua lao động sản xuất hướng về mục tiêu “An toàn - Đổi mới - Phát triển”. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền, các phong trào văn VHMT; phát huy nội lực, tham gia có hiệu quả các hoạt động VHMT do các cấp tổ chức.

- Tham gia tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, các cuộc vận động xã hội từ thiện do các cấp phát động, với tổng số tiền 820 triệu đồng.

### **d. Công tác an ninh trật tự; An toàn- VSLD**

100  
CỔ  
CỔ  
HẠN  
VI  
4M P

- Công ty tăng cường chỉ đạo và thực hiện nhiều biện pháp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự, bảo vệ tài sản, tài nguyên, ranh giới mỏ. Thực hiện tốt các quy chế phối hợp bảo vệ an ninh trật tự với Công an và Chính quyền địa phương trên địa bàn. Tình hình an ninh trật tự trong năm cơ bản được giữ vững, ổn định.

- Tập trung chỉ đạo và thực hiện có hiệu quả công tác AT-VSLĐ, năm 2017 Công ty không xảy ra tai nạn lao động và sự cố thiết bị nghiêm trọng.

## **2. Tình hình tài chính, quản trị chi phí, quản lý kinh tế**

- Công ty đã kịp thời xây dựng và thực hiện các phương án điều hành sản xuất kinh doanh phù hợp với diễn biến thời tiết và tình hình tiêu thụ; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật theo kế hoạch điều chỉnh năm 2017.

- Thực hiện hiệu quả công tác khoán, quản trị chi phí đến từng bộ phận, đơn vị và từng đầu thiết bị; giảm khối lượng công nghệ phục vụ và công việc phát sinh ngoài kế hoạch nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Ban hành và thực hiện bộ định mức năng suất thiết bị áp dụng trong Công ty; điều chỉnh kế hoạch quỹ tiền lương và đơn giá tiền lương theo kế hoạch điều chỉnh sản lượng năm 2017. Trong năm Công ty sử dụng hiệu quả quỹ tiền lương.

- Thực hiện công tác kế toán, thống kê, tài chính theo quy định; nộp đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước: 579 tỷ 129 triệu đồng; bảo toàn và phát triển vốn kinh doanh.

## **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.**

- Tiếp tục thực hiện phương án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2018; tiếp tục bổ sung, hoàn thiện quy chế, quy định quản lý nội bộ Công ty cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, nâng cao hiệu quả quản lý.

- Cân đối, tuyển dụng, sắp xếp lao động hợp lý đảm bảo phục vụ yêu cầu sản xuất. Thực hiện tốt các chương trình đào tạo theo kế hoạch, trong đó chú trọng công tác đào tạo nâng cao tay nghề cho đội ngũ công nhân kỹ thuật và bổ sung trình độ tay nghề đối với lực lượng lao động phục vụ công nghệ.

## **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.**

Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.

Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác.

Đầu tư thăm dò trữ lượng tài nguyên.

## **5. Giải trình của Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán ( nếu có)**

Không có ý kiến của Kiểm toán.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty:**

- HĐQT đã giám sát và chỉ đạo Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật

101  
NG  
PH  
CQ  
ACC  
A-T

hiện hành, Điều lệ Công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn về giá nguyên nhiên vật liệu tăng cao, điều kiện khai thác khó khăn... , đảm bảo các quyền lợi chính đáng cho các cổ đông.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức họp thường kỳ theo quy định và các cuộc họp đột xuất khác để nghe các thành viên HĐQT báo cáo tình hình hoạt động SXKD của Công ty và thảo luận để kịp thời đưa ra các quyết định phù hợp với điều kiện thực tế SXKD của Công ty, cụ thể:

- Năm 2017, HĐQT Công ty đã họp 42 phiên qua hình thức họp trực tiếp và họp gián tiếp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 173 Nghị quyết, Quyết định và văn bản theo thẩm quyền theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Thực hiện tốt chế độ báo cáo định kỳ; tổ chức công bố thông tin theo đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch.

- Năm 2017, HĐQT đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trong năm các thành viên HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, cẩn trọng, đồng thuận, minh bạch, đảm bảo lợi ích của các cổ đông và Công ty.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty được bảo toàn và phát triển tốt.

## **2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.**

Bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết, Quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT, đúng theo quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty. Bộ máy điều hành Công ty đã thắt chặt công tác quản lý, quản trị chi phí, điều hành sản xuất linh hoạt, vượt qua nhiều khó khăn điều kiện khai thác. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 1,395 tỷ đồng. Sau đại hội đồng cổ đông, Công ty đã tiến hành tổ chức lại cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh cho phù hợp với điều kiện thực tế mới của Công ty. Ban giám đốc điều hành đã triển khai kế hoạch của Tập đoàn giao, Công ty, lập và giao kế hoạch sản xuất, khoán chi phí và giá thành sản phẩm cho các đơn vị trong Công ty theo từng tháng, quý để các đơn vị tổ chức thực hiện. Căn cứ vào kế hoạch đã giao, hàng tháng, quý, Công ty đều tổ chức kiểm điểm rà soát lại các chỉ tiêu thực hiện từ cấp Công ty đến các Công trường, Phân xưởng để làm rõ trách nhiệm quản lý, điều hành và điều chỉnh kế hoạch, biện pháp thực hiện tiếp theo nhằm đạt được các mục tiêu kế hoạch đề ra.

Phát huy được hiệu quả của thiết bị, dây chuyền công nghệ sản xuất an toàn tạo nên sự đồng bộ, phối hợp nhịp nhàng giữa các đơn vị với nhau, quán triệt tư tưởng chỉ đạo. Hoàn thành kế hoạch sản lượng phải đi đôi với hiệu quả kinh tế.

Xây dựng được một cơ chế quản lý, điều hành bình đẳng giữa các đơn vị, phát huy sức mạnh tổng hợp của các đơn vị tổ xe, tổ máy, cá nhân phấn đấu vì mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

Vật tư mua đảm bảo chất lượng theo giá hợp lý và được quản lý, theo dõi chặt chẽ từ khâu mua đến việc cấp phát cho từng đơn vị, đầu thiết bị. Nền tài chính của Công ty lành mạnh, các nguồn vốn được sử dụng linh hoạt hiệu quả, không có các khoản nợ xấu. Công tác tổ chức

02  
TY  
AN  
SA  
MIN  
SUANG

hạch toán kế toán đảm bảo đúng chế độ qui định của Nhà nước. Các hợp đồng kinh tế Công ty ký với các đối tác kinh doanh năm 2017 đều phù hợp với Luật Dân sự, Luật Thương mại và các quy định của Nhà nước, Tập đoàn Vinacomin. Trong quá trình thực hiện hợp đồng không có tranh chấp giữa Công ty với các đối tác. Công ty sử dụng lao động đúng theo quy định của Tổng Giám đốc tập đoàn Vinacomin về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Tập đoàn Vinacomin trong công tác quản lý lao động, tiền lương và phát triển nguồn nhân lực.

Áp dụng thang bảng lương, chế độ đối với người lao động tiến hành triển khai thực hiện theo các qui định của Nhà nước, Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành phổ biến quy chế quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như quy định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá. Tiền lương và thu nhập được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm, trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với cơ quan Đảng uỷ, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh Công ty chỉ đạo tốt các đơn vị, người lao động trong Công ty sản xuất hiệu quả, đảm bảo phát triển Công ty ổn định, bền vững.

### **3. Các kế hoạch và định hướng của HĐQT .**

Năm 2018 được dự báo là năm còn nhiều khó khăn, thách thức. Để đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho cổ đông, như trong báo cáo phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo điều hành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Giám đốc trình bày. Hội đồng quản trị cần tập trung chỉ đạo, giải quyết một số nội dung trọng tâm sau:

1. Chỉ đạo, điều hành các phương án tổ chức sản xuất kinh doanh đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông của Công ty.

2. Tiếp tục thực hiện công tác tái cơ cấu của Công ty đảm bảo số đầu mỗi đơn vị, phòng ban theo Đề án tái cơ cấu Công ty giai đoạn 2017-2020; thực hiện tái cơ cấu lao động theo hướng tinh giảm; cân đối sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực. Triển khai phương án xã hội hóa, thuê ngoài thực hiện một số dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

3. Rà soát, bổ sung, ban hành các quy chế quản trị của Công ty phù hợp với các quy định của Nhà nước và Tập đoàn TKV để đảm bảo cho bộ máy quản lý, điều hành của Công ty linh hoạt, hiệu quả.

4. Chỉ đạo quản trị chặt chẽ các chỉ tiêu kỹ thuật công nghệ; triển khai thực hiện các giải pháp tổ chức sản xuất hợp lý để tăng thời gian làm việc hữu ích của thiết bị, tăng năng suất lao động. Tăng cường chỉ đạo, thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí để giảm giá thành sản xuất.

5. Cân đối, tổ chức thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư năm 2018. Đẩy nhanh tiến độ dự án đầu tư di chuyển các công trình phía Bắc phục vụ đồ thái; triển khai thực hiện cụm dân cư 10/10.



6. Quản trị và điều hành hoạt động của Công ty đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn tài chính; giữ vững công tác an toàn, an ninh trật tự.

7. Quan tâm, chia sẻ và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư, cổ đông của Công ty; đồng thời chăm lo và cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần của người lao động

8. Phối hợp chặt chẽ giữa bộ máy điều hành, Ban kiểm soát, với các tổ chức chính trị trong Công ty để phát huy sức mạnh tổng hợp trong quá trình SXKD.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY,**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát :

Năm 2017 là năm đầu tiên của nhiệm kỳ III (2017-2022), tại Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty tổ chức vào ngày 27 tháng 4 năm 2017 đã bầu 05 thành viên HĐQT gồm:

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Ông Phạm Hồng Tài     | Chủ tịch HĐQT;                                   |
| 2. Ông Vũ Văn Khẩn       | Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty;               |
| 3. Ông Nguyễn Văn Thuận  | Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty; (từ 27/4/2017)  |
| 4. Ông Nguyễn Tấn Long   | Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty;                 |
| 5. Ông Trần Đức Kha      | Thành viên HĐQT, Phó GD Công ty; (từ 27/4/2017)  |
| 6. Ông Nguyễn Hữu Trường | Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng; (đến 27/4/2017) |
| 7. Ông Lưu Hoàng Sinh    | Thành viên HĐQT, CT công đoàn; (đến 27/4/2017)   |

Theo NQ Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 062/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/7/2017.

Các thành viên HĐQT đều được phân công phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin hoạt động theo hình thức kiêm nhiệm, HĐQT đã vận dụng linh hoạt các hình thức được quy định trong luật doanh nghiệp và trong điều lệ Công ty, quyết định kịp thời các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty được thông suốt.

HĐQT đã thống nhất Nghị quyết mô hình tổ chức sản xuất tổ chức bộ máy điều hành Công ty với quy mô hợp lý, phát huy được sự chủ động sáng tạo và sự liên kết phối hợp giữa các cá nhân và bộ phận.

HĐQT đã ban hành các qui chế, qui định, quyết định phục vụ việc quản lý, điều hành các mặt hoạt động của Công ty.

### **2. Ban Kiểm soát**

+ Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần than Cọc Sáu - Vinacomin gồm 03 thành viên và hoạt động kiêm nhiệm.

- |                          |               |
|--------------------------|---------------|
| 1- Ông Nguyễn Văn Hùng   | - Trưởng ban; |
| 2- Bà Nguyễn Thị Mai Anh | - Ủy viên;    |
| 3- Bà Vũ Thiện Thành     | - Ủy viên.    |

Ban kiểm soát của Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết các kỳ họp của HĐQT, các quy chế, qui định do HĐQT ban hành.

Giám sát hoạt động của Giám đốc điều hành thông qua việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT, các nghị quyết của Giám đốc trong lĩnh vực thuộc quyền hạn của Giám đốc được qui định trong điều lệ của Công ty.

Kiểm soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, kiểm soát báo cáo tài chính quý, 6 tháng, 9 tháng và báo cáo năm.

### 3/ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích ban giám đốc và ban kiểm soát

a/ Lương, thù lao của HĐQT, BKS và viên chức quản lý

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THỜI GIAN THAM GIA HĐQT	TIỀN LƯƠNG	TIỀN THƯỞNG	THÙ LAO
1	Phạm Hồng Tài	CT HĐQT			320	61.680
2	Vũ Văn Khản	UVHĐQT, GD		446.052	43.350	52.560
3	Nguyễn Tấn Long	UVHĐQT, PGĐ		395.652	45.469	52.560
4	Nguyễn Văn Thuấn	UVHĐQT, PGĐ	Từ 27/4/2017	395.652	43.849	35.040
5	Nguyễn Hữu Trường	UVHĐQT, KTT	Đến 27/4/2017	361.452	29.255	17.520
6	Trần Đức Kha	UVHĐQT	Từ 27/4/2017	395.652		35.040
7	Lưu Hoàng Sinh	UVHĐQT, CTCĐ	Đến 27/4/2017	395.652		17.520
8	Lê Văn Giáp	Phó GD		395.652	44.449	
9	Vũ Văn Hùng	Phó GD		395.652	31.554	
10	Trần Sơn Hà	Phó GD		395.652	44.649	
9	Nguyễn Văn Hùng	TB kiểm soát		395.652		
10	Nguyễn Thị Mai Anh	Ban KS		147.241		48.000
11	Vũ Thiện Thành	Ban KS		106.300		48.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.226.261</b>	<b>282.895</b>	<b>367.920</b>

## VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. Ý kiến của Kiểm toán:

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Than Cọc Sáu - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**a. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017**

				Đơn vị: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017	
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>769.303.108.221</b>	<b>356.659.298.041</b>	
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>1.548.940.792</b>	<b>955.545.916</b>	
Tiền	111	5.1	1.548.940.792	955.545.916	
Các khoản tương đương tiền	112		-	-	
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>24.850.860.000</b>	<b>-</b>	
Chứng khoán kinh doanh	121		43.598.000.000	-	
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(18.747.140.000)	-	
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>264.246.193.795</b>	<b>158.885.475.962</b>	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.3	264.233.122.231	158.047.404.745	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		369.170.000	35.420.000	
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	625.856.672	1.784.606.325	
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(981.955.108)	(981.955.108)	
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.6</b>	<b>425.351.342.830</b>	<b>175.880.982.539</b>	
Hàng tồn kho	141		425.351.342.830	175.880.982.539	
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-	
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>53.305.770.804</b>	<b>20.937.293.624</b>	
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	53.249.498.029	20.301.478.295	
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	56.272.775	635.815.329	
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.097.133.936.427</b>	<b>1.173.827.976.833</b>	
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>34.544.761.833</b>	<b>30.928.840.535</b>	
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	-	-	
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-	
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	34.544.761.833	30.928.840.535	
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>772.556.310.567</b>	<b>884.856.098.956</b>	
TSCĐ hữu hình	221	5.8	772.265.160.170	884.467.898.427	
- Nguyên giá	222		3.570.699.091.822	3.545.449.993.393	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2.798.433.931.652)	(2.660.982.094.966)	
TSCĐ vô hình	227	5.9	291.150.397	388.200.529	
- Nguyên giá	228		1.313.293.200	1.313.293.200	

100  
G1  
PH  
CO  
AC  
HÀ

- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.022.142.803)	(925.092.671)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.7</b>	<b>3.674.079.899</b>	<b>4.202.837.293</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.674.079.899	4.202.837.293
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	-	<b>21.975.743.706</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	43.598.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	254		-	(21.622.256.294)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>286.358.784.128</b>	<b>231.864.456.343</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	286.358.784.128	231.864.456.343
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.866.437.044.648</b>	<b>1.530.487.274.874</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.491.518.143.686</b>	<b>1.190.488.613.346</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.107.671.711.123</b>	<b>815.511.368.591</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	522.853.598.415	281.308.191.327
Người mua trả tiền trước	312		-	-
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	83.263.452.655	76.975.982.942
Phải trả người lao động	314		71.677.954.916	59.144.913.173
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	118.795.147.297	11.651.289.109
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	296.607.589.246	377.959.217.982
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	10.523.425.000	90.120.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.950.543.594	8.381.654.058
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>383.846.432.563</b>	<b>374.977.244.755</b>
Phải trả dài hạn khác	337	5.14	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.11	383.846.432.563	374.977.244.755
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>374.918.900.962</b>	<b>339.998.661.528</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.15</b>	<b>364.455.970.738</b>	<b>327.949.292.076</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		324.961.050.000	324.961.050.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		324.961.050.000	324.961.050.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.040.317.377	2.040.317.377

CHỖ  
 CHỮ  
 SÁ  
 MIN  
 QUẢ

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	37.454.603.361	947.924.699
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	947.924.699	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	36.506.678.662	947.924.699
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>10.462.930.224</b>	<b>12.049.369.452</b>
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432	10.462.930.224	12.049.369.452
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>1.866.437.044.648</b>	<b>1.530.487.274.874</b>

**b. Báo cáo kết quả kinh doanh**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm 2017	Năm 2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	2.524.392.130.726	2.890.868.429.035
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và CCDV	10		2.524.392.130.726	2.890.868.429.035
Giá vốn hàng bán	11	6.2	2.226.443.634.839	2.633.589.392.822
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC dịch vụ	20		297.948.495.887	257.279.036.213
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.048.820.785	1.246.994.592
Chi phí tài chính	22	6.4	59.294.928.073	57.468.343.502
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.170.044.367	50.421.630.016
Chi phí bán hàng	24	6.7	2.369.017.199	1.965.357.259
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.7	185.704.489.119	203.131.313.439
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		51.628.882.281	(4.038.983.395)
Thu nhập khác	31	6.5	4.378.592.872	7.598.005.033
Chi phí khác	32	6.6	5.697.770.157	2.163.909.543
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.319.177.285)	5.434.095.490
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.309.704.996	1.395.112.095
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	13.803.026.334	447.187.396
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		36.506.678.662	947.924.699
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	1.123	29
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			



**b. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

		Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2017	Năm 2016
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	50.309.704.996	1.395.112.095
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	265.362.646.666	197.847.039.723
Các khoản dự phòng	03	11.188.951.294	(5.121.877.940)
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.807.677.025)	(2.248.851.107)
Chi phí lãi vay	06	62.170.044.367	50.421.630.016
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>384.223.670.298</b>	<b>242.293.052.787</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	104.437.283.887	(112.362.463.598)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(249.470.360.291)	(3.105.791.366)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	215.001.213.728	(47.449.899.522)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(87.442.347.519)	(60.988.998.616)
Tiền lãi vay đã trả	14	(63.507.822.145)	(50.510.235.495)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.397.463.785)	(9.520.000.948)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	45.000.000	48.500.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.747.203.000)	(25.883.838.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>297.141.971.173</b>	<b>(67.479.674.858)</b>
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác	21	(228.075.365.546)	(219.950.828.971)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	2.960.409.392	2.184.685.780
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.048.820.785	64.165.327
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(224.066.135.369)</b>	<b>(217.701.977.864)</b>
Tiền thu từ đi vay	33	1.001.217.971.643	947.002.557.706
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.073.700.412.571)	(653.699.429.599)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(6.587.720.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.821.616.036)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(72.482.440.928)</b>	<b>282.893.792.071</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>593.394.876</b>	<b>(2.287.860.651)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	955.545.916	3.243.406.567
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.548.940.792	955.545.916

Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam. Công ty đã đăng báo, gửi báo cáo tài chính kiểm toán lên Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Website của Công ty đăng tải báo cáo tài chính là: [www.Cocsau.com](http://www.Cocsau.com)

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, SGDCKHN:
- Lưu: VT, KTTK. (Ng.H 04)



**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Văn Khấn**

